

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **322/2022/HS-PT**

Ngày: 19/8/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH D**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ký

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Hoàng Thị Thu Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh D.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh D, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 171/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 04 năm 2022, đối với các bị cáo Nguyễn Thành B, Nguyễn Hữu H do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Các bị cáo bị kháng nghị:

**1. Nguyễn Thành B (tên gọi khác là T)**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2005 tại D; Nơi cư trú: Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh D; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng D, sinh năm 1970 và bà Võ Thị Thanh L, sinh năm 1976 (là người nuôi dưỡng); Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ 2; Bị cáo chưa có vợ, con, Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 10/6/2021 - Bị cáo có mặt.

**2. Nguyễn Hữu H (tên gọi khác là V; C)**, sinh năm 1993 tại D; Hộ khẩu thường trú: 178/1, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh D; Nơi cư trú: Sống lang thang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1960 và bà Trần Thị S, sinh năm 1959; Gia đình có 4 anh, chị em, bị cáo là con út; Bị cáo sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1997; có 01 con sinh năm 2020, Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 62/2015/HSST ngày 26/02/2015 Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị bắt ngày 06/12/2021 - Bị cáo có mặt.

*Đại diện hợp pháp bị cáo B (là người nuôi dưỡng):* Ông Lê Hồng D, sinh năm 1970 và bà Võ Thị Thanh L, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh D (ông D có mặt).

*Bào chữa cho bị cáo B:* Ông Phạm Minh L - Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh D (Có mặt).

*Bị hại:* Cháu Lê Thanh Thảo P, sinh ngày 12/3/2015, địa chỉ: Tổ 18C, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh D.

*Đại diện hợp pháp của cháu P:* Ông Lê Đình N, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, cùng địa chỉ: Tổ 18C, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh D.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Cao Vĩ N1, sinh năm 1989, địa chỉ: 330, B, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh D (Vắng mặt).

(Đối với bị hại Lê Thanh Thảo P và đại diện hợp pháp của cháu P là ông Lê Đình N và bà Trần Thị T, anh Cao Vĩ N1 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành B, Nguyễn Hữu H và Phạm Xuân Lê O là bạn bè với nhau. Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07 tháng 6 năm 2021, Ban điều khiển xe mô tô biển số 60AK - 014.48 đi công việc thì phát hiện tại khu vực thuộc khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh D có cháu Lê Thanh Thảo P, sinh ngày 12/3/2015 đang bấm điện thoại trước nhà nên sau khi tình cờ gặp O và H tại khu vực cây xăng C thuộc phường H. B rủ H cùng đi cướp giật điện thoại trên của cháu P thì được H đồng ý. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 09 giờ cùng ngày, H mượn xe mô tô hiệu Wave biển số 60X8 - 0866 của O chở B đi đến khu vực cháu P đang bấm điện thoại nêu trên. Tại đây, H ngồi trên xe nổ máy sẵn, đứng bên ngoài cảnh giới, còn B xuống xe đi bộ đến vị trí cháu P dùng tay giật lấy điện thoại Samsung A20S màu đen của cháu P rồi nhanh chóng ngồi lên xe của H đang chờ sẵn chạy tẩu thoát. Sau đó, B và H quay lại trả xe cho O rồi B điều khiển xe mô tô biển số 60AK - 014.48 cùng H đem bán chiếc điện thoại trên cho anh Cao Vĩ N1 là chủ cửa hàng điện thoại “E” tại địa chỉ: 330, đường B, khu phố 1, phường T, thành phố B được số tiền 1.450.000đ. B được chia số tiền 500.000đ, còn lại số tiền 950.000đ H giữ và tiêu xài hết. Sau khi vụ việc xảy ra, bà Nguyễn Thị T là mẹ cháu P đã trình báo với công an phường H. Ngày 07/6/2021, công an phường

B phát hiện được B điều khiển xe mô tô biển số 60AK - 014.48 trên đường B đoạn thuộc khu phố 1, phường B có đặc điểm giống đối tượng cướp giật do bà T trình báo nên đã đưa B về trụ sở làm việc. Tại đây B khai nhận hành vi cướp chiếc điện thoại nêu trên. Riêng H bỏ trốn đến ngày 06/12/2021 đã đến cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 412/KL - HĐĐGTS ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A20S có giá trị là 1.276.000đ.

Tại bản án số 97/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành B 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị số 3166/QĐ - VKSBH ngày 01 tháng 04 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị về hình thức và căn cứ điều luật áp dụng của bản án sơ thẩm với nội dung: Phần lý lịch không ghi nhân thân bị cáo và phần quyết định tuyên bố phạm tội trước căn cứ pháp luật là không đúng theo mẫu tại Nghị quyết số 05/2017/NQ - HĐTP ngày 19/9/2017. Bị cáo B và bị cáo H chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là không có căn cứ pháp luật; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng không áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự là có thiếu sót.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D giữ nguyên quyết định kháng nghị số 3166/QĐ - VKSBH ngày 01 tháng 04 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng sửa về hình thức và căn cứ pháp luật để xử phạt đối với Nguyễn Thành B và Nguyễn Hữu H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát đúng hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B nhận thấy:

[2.1] Hồ sơ thể hiện, vào khoảng 09 giờ ngày 07/6/2021, tại khu vực nhà không số thuộc tổ 20, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh D, Nguyễn Thành B đã rủ Nguyễn Hữu H cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20S trị giá 1.276.000đ của cháu Lê Thanh Thảo P, sinh ngày 12/3/2015, sau đó các bị cáo bị phát hiện, bắt giữ.

[2.2] Về việc áp dụng pháp luật: Cấp sơ thẩm nhận định, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo B trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; khi phạm tội, bị cáo B còn ở độ tuổi chưa thành niên, xử phạt Nguyễn Thành B 02 năm tù; bị cáo Nguyễn Hữu H 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thành B chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là trái quy định pháp luật. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo H là đồng phạm với vai trò giúp sức, cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự là có sai sót trong việc áp dụng pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị nội dung này là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về hình thức bản án sơ thẩm có sai sót như nội dung kháng nghị, tuy nhiên sai sót này không làm thay đổi bản chất vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc áp dụng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cung cấp chứng cứ mới về việc bị hại có đơn bãi nại, bị cáo đã khắc phục hậu quả. Luật sư, ông D và các bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo không có đơn kháng cáo nên không được xem xét nội dung này.

[5] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành B, Nguyễn Hữu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B về áp dụng điều luật.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành B** 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2021;

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2021.

2. Căn cứ nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thành B, bị cáo Nguyễn Hữu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực từ ngày không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân TP. B;

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D;

- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. B;

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - TP. B;

- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh D;

- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;

- Bị cáo;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự,

- Văn phòng và Thẩm phán (4).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Lê Thị Ký**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Hưng    Vũ Thế Phương**

**Đinh Thị Kiều Lương**